

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1406/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi tiếp nhận  
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố tại Tờ trình số 11/TTr-KCNC ngày 02 tháng 3 năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 05 quy trình nội bộ điều chỉnh bổ sung giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

Danh mục và nội dung chi tiết của 05 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ  
KHU CÔNG NGHỆ CAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
<b>Lĩnh vực Môi trường</b>	
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
2	Cấp giấy phép môi trường
3	Cấp đổi giấy phép môi trường
4	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường
5	Cấp lại giấy phép môi trường

## QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC

### QUY TRÌNH 01

#### Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

#### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ <sup>(1)</sup>

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
<b>I.1</b>	<b>Hồ sơ đề nghị thẩm định</b>		
1	Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)	01	Bản chính
2	Dự án đầu tư (hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương)	01	Bản sao
3	Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn cấp tỉnh, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)	01	Bản chính
<b>I.2</b>	<b>Hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định</b>		
1	Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 09a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)	01	Bản chính
2	Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc”	01	Bản chính

<sup>1</sup> Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

	chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục, nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục) được tổ chức/cá nhân ký số theo quy định (nếu nộp trực tuyến)		
--	---	--	--

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố (<a href="http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn">http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn</a>) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>- Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</p> <p>- Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: <b>20</b> (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</p>	11.000.000 đồng/hồ sơ

## III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

**1. Quy trình thẩm định: 30 ngày (theo điểm b khoản 6 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.1	Thành phần hồ sơ theo mục I.1
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.1 Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03, BM 04, BM 05	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận,</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.1	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ.



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B3</b>	<b>Thủ lý hồ sơ</b>				
<b>B3.1</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>				
	<i><b>Rà soát nội dung báo cáo</b></i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét, kiểm tra, thẩm định nội dung hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không phù hợp theo quy định => <b>Chuyển sang B3.2.</b> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, yêu cầu nộp phí thẩm định => <b>Chuyển sang B3.3</b>
<b>B3.2</b>	<b>Trả hồ sơ báo cáo do chưa đủ điều kiện thẩm định</b>				
<b>B3.2.1</b>	<i><b>Dự thảo</b></i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ và nêu rõ lý do. <b>Chuyển sang bước B3.2.2</b>
<b>B3.2.2</b>	<i><b>Xem xét, ký nội dung trình</b></i>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản trả hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.2.3</b>
<b>B3.2.3</b>	<i><b>Ký duyệt ban hành</b></i>	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày		Chuyên Văn phòng xem thể thức văn bản, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản trả hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.2.4</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.2.4	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.
B3.3	Tổ chức thẩm định, Thành lập Hội đồng thẩm định.				
B3.3.1	Dự thảo	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Theo mục I.1	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
B3.3.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng QHXDMT	1,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định
B3.3.3	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC	02 ngày		Chuyên Văn phòng xem thể thức Quyết định, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Quyết định
B3.3.4	Ban hành Quyết định	Văn phòng KCNC	0,5 ngày		Lấy số Quyết định, đóng dấu, lưu hồ sơ. Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định => Chuyển qua bước B3.4
B3.4	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định				
B3.4.1	Họp Hội đồng thẩm định hoặc	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	10 ngày	Theo mục I.1, Biên bản họp thẩm	Tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc nếu cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức khảo sát thực tế khu

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>Kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định</i>			định/biên bản kiểm tra/bản nhận xét/phiếu thẩm định	vực thực hiện dự án để thẩm định báo cáo. Các thành viên của Hội đồng có ý kiến thẩm định. <b>Chuyển sang B3.4.2</b>
<b>B3.4.2</b>	<i>Tổng hợp hồ sơ thẩm định</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày		Tổng hợp ý kiến trong Phiếu thẩm định và các bản nhận xét báo cáo của các thành viên Hội đồng thẩm định. <b>Chuyển sang B3.4.3</b>
<b>B3.4.3</b>	<i>Thông báo kết quả thẩm định</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	3,5 ngày	Theo mục I.1, BM 07	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản thông báo kết quả thẩm định và yêu cầu chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung (nếu có). <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	BM 07	Xem xét, ký xác nhận nội dung trình và dự thảo văn bản => <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày	BM 07	Chuyển Văn phòng xem thể thức văn bản, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản => <b>Chuyển sang bước B6</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Hồ sơ đã được ký	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý => <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

*\* Quy trình phê duyệt: 20 ngày (theo khoản 9 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)*

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.2	Thành phần hồ sơ theo mục I.2
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.2 Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03, BM 05, BM 06	<b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>BM02</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình,</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.2	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Rà soát, đề xuất phê duyệt hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.2	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét, kiểm tra nội dung hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					không phù hợp và chưa đầy đủ nội dung => <b>Chuyển sang B3.1.</b> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ => <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b>Không phê duyệt hồ sơ báo cáo</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	14,5 ngày	Dự thảo Phiếu trình và văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp quyết định phê duyệt (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.</b>				
	<b>Tổng hợp, Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	14,5 ngày	BM 08	Chuyên viên thụ lý tổng hợp nội dung hồ sơ, Dự thảo Phiếu trình và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. <b>Chuyển sang bước B4.</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	BM 07; BM 08	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp quyết định phê duyệt => <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày	Theo mục I.2; BM 08	Chuyển Văn phòng xem thể thức Quyết định hoặc văn bản

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					chưa đủ điều kiện cấp quyết định phê duyệt, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Quyết định hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp quyết định phê duyệt => <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số Quyết định, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý => <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

#### IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).



STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
		23/11/2018).
4	BM 04	Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)
5	BM 05	Mẫu nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).
6	BM 06	Mẫu văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 09a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)
7	BM 07	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)
8	BM 08	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên

và Môi trường.

- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**BM 01**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

**Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1 .....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

**BM 03**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)  
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)

---

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.



**BM 04****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH  
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG***(Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)*

(1)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

V/v đề nghị thẩm định báo cáo  
đánh giá tác động môi trường  
của (2)*(Địa danh), ngày...tháng....năm....*

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án (2) (thông tin như Phụ lục đính kèm).

Dự án (2) đã được ... phê duyệt/chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phê duyệt/chấp thuận chủ trương đầu tư)*.Hoặc Dự án (2) đã được ... cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)*.

Dự án (2) thuộc thẩm quyền phê duyệt đầu tư của.....

Địa điểm thực hiện dự án (2): .....

Địa chỉ liên hệ của (1): .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; E-mail: .....

Dự án (2) thuộc số thứ tự ... Phụ lục III hoặc số thứ tự.....Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Dự án đầu tư của (2) (hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương);

- Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu

trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
(1)**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Họ và tên**

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án đầu tư; (2) Tên dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

**Phụ lục**

(Kèm theo Văn bản số...ngày...tháng...năm... của (1))

1. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo liệt kê tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP):

1.1. Là loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: ☐

Công suất: Lớn ☐ Trung bình ☐ Nhỏ ☐

1.2. Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: ☐

- Dự án quan trọng quốc gia ☐ Nhóm A ☐ Nhóm B ☐ Nhóm C ☐

- Quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước (theo liệt kê tại Phụ lục III hoặc Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Lớn ☐ Trung bình ☐ Nhỏ ☐

- Thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển để lấn biển theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo:

Thủ tướng Chính phủ ☐ Bộ TN&MT ☐ UBND cấp tỉnh/thành phố ☐

- Thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước:

UBND cấp tỉnh/thành phố ☐ Bộ TN&MT ☐

**2. Yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án:**

- Nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III và loại IV theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị: Có ☐ Không ☐

- Có sử dụng đất, đất có mặt nước của: khu bảo tồn thiên nhiên ☐; rừng đặc dụng ☐; rừng phòng hộ ☐; đất có rừng tự nhiên ☐; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản ☐; vùng đất ngập nước quan trọng ☐; khu dự trữ sinh quyển ☐; di sản thiên nhiên thế giới ☐; thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7a Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ☐

- Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của: khu bảo tồn thiên nhiên ☐; di sản thiên nhiên thế giới ☐; khu dự trữ sinh quyển ☐; vùng đất ngập nước quan trọng ☐; rừng đặc dụng ☐; rừng phòng hộ ☐; đất có rừng tự nhiên ☐; thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7b Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ☐

- Có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt: Có ☐ Không ☐

- Có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 5ha trở lên: Có ☐ Không ☐

- Có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng: Có ☐ Không ☐

- Dự án nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên: Có ☐ Không ☐

- Dự án nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp tỉnh: Có ☐ Không ☐

- Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: Có ☐ Không ☐

### 3. Thông tin khác:

- Dự án có xả nước thải vào công trình thủy lợi: Có ☐ Không ☐

+ Tên công trình thủy lợi:.....

+ Tên cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi:.....

- Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: Có ☐ Không ☐

- Trường hợp Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP cần xác định rõ:

+ Phân cấp theo quy định tại điểm a khoản 1: ☐

- + Phân cấp theo quy định tại điểm b khoản 1: ☐
- + Phân cấp theo quy định tại điểm c khoản 1: ☐
- + Phân cấp theo quy định tại điểm d khoản 1: ☐
- + Phân cấp theo quy định tại điểm đ khoản 1: ☐
- + Phân cấp theo quy định tại điểm e khoản 1: ☐
- + Phân cấp theo quy định tại điểm g khoản 1: ☐

**BM 05****NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

(Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

Cơ quan cấp trên của chủ dự án

(1)

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

của dự án (2)

**CHỦ DỰ ÁN (\*)**

*(Chữ ký, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)**

*(Chữ ký, đóng dấu)*

**Họ và tên**

**Họ và tên**

*Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...*

***Ghi chú:***

(1) Tên chủ dự án;

(2) Tên dự án;

(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;

(\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

## **MỤC LỤC**

### **Danh mục các từ và các ký hiệu viết tắt**

### **Danh mục các bảng, các hình vẽ**

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.4. Trường hợp dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thì phải nêu rõ tên của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và thuyết minh sự phù hợp của dự án với ngành nghề đầu tư và phân khu chức năng của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

### **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM.

### **3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường**

Tóm tắt việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, đơn vị tư vấn kèm theo danh sách (có chữ ký) của những người tham gia ĐTM.

#### **4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường**

Liệt kê các phương pháp ĐTM và các phương pháp khác được sử dụng (nếu có).

#### **5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM**

##### **5.1. Thông tin về dự án**

5.1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư.

5.1.2. Quy mô, công suất.

5.1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có).

5.1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

##### **5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án.

##### **5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

5.3.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải.

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông



thường.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại.

#### 5.3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

#### 5.3.4. Các tác động khác (nếu có)

- Nêu rõ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Tác động khác (nếu có).

### **5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

#### 5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

5.4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

5.4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

#### 5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

5.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm:

số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

5.4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

5.4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

5.4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

5.4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

5.4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5.4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

5.4.4.6. Các công trình, biện pháp khác (nếu có).

**5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:**

#### 5.5.1. Chương trình quản lý môi trường

#### 5.5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

## **Chương 1** **THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

### **1.1. Thông tin về dự án**

- Tên dự án.

- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; tiến độ thực hiện dự án.

- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án.

- Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.

- Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (kèm theo sơ đồ).

- Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.

- Phạm vi:

+ Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

+ Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

### **1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

Liệt kê các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Các hoạt động của dự án.

- Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn (nếu có).

- Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động phải có các thông tin về hiện trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; sự kết nối giữa các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

### **1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án**

Liệt kê các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án.

Đối với dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, phải làm rõ về nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đề xuất khối lượng phế liệu nhập khẩu khi dự án vận hành theo công suất thiết kế của dự án.

### **1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

Mô tả về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa.

### **1.5. Biện pháp tổ chức thi công**

Mô tả về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường.

### **1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

## **Chương 2**

## **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội** (không bắt buộc thực hiện đối với dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường)

- Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về các điều kiện tự nhiên phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án, gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

- Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án, gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, danh lam thắng cảnh đã được xác lập, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

**2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án**

#### **2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường**

Thu thập dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất, môi trường đất vùng tiếp nhận nước thải của dự án.

Trường hợp thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường chưa đầy đủ thì thực hiện

đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án. Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ phải đo đạc môi trường phóng xạ tự nhiên. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường.

Tổng hợp dữ liệu thu thập và kết quả đo đạc, phân tích để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện dự án.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học (không yêu cầu đối với dự án trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương)

Thu thập, tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về đa dạng sinh học tại khu vực dự án và xung quanh dự án, lưu ý đến các hệ sinh thái tự nhiên (hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển); các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có).

Đối với dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển phải có thêm số liệu điều tra, khảo sát đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước tại khu vực dự án, lưu ý đến hệ sinh thái tự nhiên (hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển); các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có).

2.2.3. Hiện trạng lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

Thu thập, tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về dòng chảy, hiện trạng lòng bờ, bãi sông, hồ tại khu vực thực hiện dự án.

### **2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án**

Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động bởi dự án và các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.

### **2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án**

Thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

### Chương 3

## **ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

- Các tác động môi trường liên quan đến chất thải:

- + Tác động do nước thải;
- + Tác động do bụi, khí thải;
- + Tác động do chất thải rắn sinh hoạt;
- + Tác động do chất thải rắn thông thường;
- + Tác động do chất thải nguy hại.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

- Tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

- Đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (*Khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, hồ; Nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa, trừ duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến đường thủy nội địa hiện có; Kè bờ, gia cố bờ sông, hồ, nắn sông trừ công trình kè bờ, chỉnh trị sông để phòng chống thiên tai; Cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông, hồ; Xây dựng công trình, vật kiến trúc nổi trên sông, hồ và các công trình sử dụng đất có mặt nước; Xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu, âu tàu và các công trình thủy khác*): phải đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, hồ và các vùng đất ven sông, hồ; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ trong mùa lũ; diễn biến bồi lắng, sạt lở lòng, bờ bãi; sự suy giảm mực nước trong mùa cạn và ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác nước trên sông, hồ. Khuyến khích đánh giá tác động được thực hiện thông qua phương pháp mô hình

toán và nội dung về kết quả tính toán của mô hình áp dụng lấy thêm ý kiến của tổ chức chuyên môn phù hợp (được chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và có lĩnh vực được chứng nhận phù hợp với tính chất của mô hình.

Trường hợp khai thác cát, sỏi, nạo vét, khơi thông luồng, kè bờ, xây dựng công trình trên sông, ven sông khác nhau thì việc đánh giá được thực hiện theo các phương án khác nhau tương ứng với từng kịch bản về dòng chảy lũ, kiệt khác nhau, bao gồm cả kịch bản bất lợi nhất trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

Yêu cầu:

- Với mỗi tác động cần xác định quy mô tác động để tập trung dự báo, đánh giá và giảm thiểu các tác động chính, đặc thù của loại hình và vị trí dự án.

- Đối với tác động có liên quan đến chất thải:

+ Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải, bụi và khí thải; so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này;

+ Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt; thông tin về không gian và thời gian tác động của chất thải này;

+ Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này.

- Đối với tác động không liên quan đến chất thải: cần nêu cụ thể các tác động và đối tượng bị tác động.

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các nội dung chính sau đây:

+ Đánh giá tác động đến môi trường của việc chiếm dụng đất, mặt nước, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa (nếu có);

+ Tác động đến đa dạng sinh học, bao gồm: làm mất, thu hẹp, chia cắt, phân mảnh, cô lập đối với các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển



và sinh cảnh của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, (nếu có); làm giảm số loài, quần thể các loài, số lượng cá thể của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có);

+ Khai thác, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị (nếu thuộc phạm vi dự án);

+ Thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng);

+ Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Đối với nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

+ Nguồn tiếp nhận; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có).

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Đối với bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.

- Đối với xói lở, bồi lắng, nước mưa chảy tràn (nếu có): quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng, kiểm soát nước mưa chảy tràn.

- Đối với các tác động đến đa dạng sinh học: các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

- Đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: phải luận chứng, thuyết minh làm rõ việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ bảo vệ lòng bờ, bãi sông, hồ theo quy định và lựa chọn, đề xuất phương án thực hiện để bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ bao gồm phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện và các cam kết trong quá trình thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

### **3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành**

#### **3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải:

+ Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải, bụi và khí thải; so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này;

+ Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt; thông tin về không gian và thời gian tác động của chất thải này;

+ Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Đánh giá, dự báo tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

Tác động đến đa dạng sinh học, bao gồm: làm mất, thu hẹp, chia cắt, phân mảnh, cô lập đối với các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển và sinh cảnh của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có); làm giảm số loài, quần thể các loài, số lượng cá thể của

loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có).

- Đối với dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

- Đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, hồ và các vùng đất ven sông, hồ; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ trong mùa lũ; diễn biến bồi lắng, sạt lở lòng, bờ bãi; sự suy giảm mực nước trong mùa cạn và ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác nước trên sông, hồ.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

Yêu cầu: trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 3.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp (trên cơ sở liệt kê, so sánh các thiết bị, công nghệ đang được sử dụng), đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Đối với công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác)

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải.

- Các thông số cơ bản của công trình xử lý nước thải.

- Nguồn tiếp nhận; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có).

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải .

- Các thông số cơ bản của công trình xử lý bụi, khí thải.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có) .

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại)

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình quản lý, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của công trình quản lý, xử lý chất thải.

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung)

đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Mô tả phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tương ứng với các nội dung đã được nhận dạng tại mục 3.2.1 ở trên.

- Trường hợp phải xây dựng, lắp đặt công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải phải có thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các thông số cơ bản của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

e) Công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu với các dự án thủy điện, hồ chứa nước

g) Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác tới môi trường (nếu có)

h) Các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

i) Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và

các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông hồ đối với Dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước

### **3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

### **3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo**

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường.

Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

## **Chương 4**

### **PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học)

#### **4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản**

##### **4.1.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ

cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có) tổ chức, cá nhân phải xây dựng tối thiểu 02 phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.

- Đối với mỗi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đưa ra cần làm rõ các nội dung sau:

+ Xác định thời điểm, nội dung thực hiện một phần công tác cải tạo, phục hồi môi trường (ngay trong quá trình khai thác) đối với các hạng mục công trình mỏ (công trình phụ trợ khai thác, bãi thải mỏ,...) và khu vực khai thác (trường hợp mỏ khai thác theo hình thức “cuốn chiếu”, có thể thực hiện được công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng);

+ Xác định các hạng mục công trình mỏ, các hạng mục công việc cần cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực khai thác (moong khai thác đối với mỏ lộ thiên; hệ thống đường lò/giếng thông gió, vận chuyển, lò chợ ... đối với mỏ hầm lò) trong giai đoạn đóng cửa mỏ (thời điểm kết thúc khai thác mỏ theo dự án đầu tư đã lập);

+ Mô tả các giải pháp, công trình và khối lượng, kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường; lập bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: tác động liên quan đến chất thải, tác động không liên quan đến chất thải như: cảnh quan, sinh thái sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...) và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu.

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

#### 4.1.2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

#### 4.1.3. Kế hoạch thực hiện

- Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	...						

4.1.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

**4.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án chôn lấp chất thải**

4.2.1. Lựa chọn giải pháp cải tạo môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình xử lý chất thải, ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường.

- Việc cải tạo môi trường thực hiện theo quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo môi trường. Xây dựng bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, sự cố môi trường,...) để lựa chọn phương án cải tạo môi trường.

4.2.2. Nội dung cải tạo môi trường

Từ giải pháp cải tạo môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo môi trường.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo môi trường.



- Lập bảng các công trình cải tạo môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường.

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế cơ sở.

#### 4.2.3. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực ô chôn lấp chất thải						
1	Hệ thống xử lý nước thải						
2	Hệ thống xử lý khí thải						
3	Hệ thống quan trắc, giám sát môi trường						
....	.....						

#### 4.2.4. Dự toán chi phí cải tạo môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo môi

trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

### 4.3. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

- Trường hợp chủ dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học theo phương án trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học khác (nếu có).

## Chương 5

### CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

#### 5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Thi công, xây dựng				
Vận hành				
Cải tạo phục hồi môi				

trường (đối với các dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải)				
---	--	--	--	--

## **5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án**

Chương trình quan trắc, giám sát môi trường phải được đặt ra cho quá trình thực hiện dự án, được thiết kế cho các giai đoạn: (1) Thi công, xây dựng; (2) Dự kiến khi vận hành và (3) Cải tạo phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải), cụ thể như sau:

- Quan trắc nước thải và khí thải: lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải trước và sau xử lý; vị trí các điểm quan trắc phải được mô tả rõ.

- Quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định,...

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.

- Quan trắc, giám sát môi trường khác (nếu có).

- Đối với giai đoạn vận hành dự án, chương trình quản lý và giám sát môi trường có thể được điều chỉnh trong quá trình cấp giấy phép môi trường (nếu có).

## **Chương 6 KẾT QUẢ THAM VẤN**

### **6.1. Tham vấn cộng đồng**

#### **6.1.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng**

6.1.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử: cơ quan quản lý trang thông tin điện tử; đường dẫn trên internet tới nội dung được tham vấn; thời điểm và thời gian đăng tải theo quy định

6.1.1.2. Tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp

a) Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến: thời điểm, thời gian niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; thời điểm họp tham vấn; số lượng tham dự họp tham vấn.

b) Tham vấn bằng văn bản thông qua phiếu lấy ý kiến (nếu có): số phiếu gửi lấy ý kiến tham vấn; số phiếu phản hồi; số phiếu không phản hồi trong thời gian quy định kèm theo minh chứng đã gửi phiếu lấy ý kiến tham vấn đến cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

c) Tổng hợp quá trình tham vấn

Lưu ý: Ghi rõ số lượng người chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư; số lượng đã tham dự cuộc họp tham vấn cộng đồng; số lượng phản hồi phiếu lấy ý kiến; số lượng không tham gia cho ý kiến trong thời hạn quy định kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến tham vấn.

6.1.1.3. Tham vấn bằng văn bản: liệt kê các văn bản do chủ dự án gửi đến các cơ quan, tổ chức để tham vấn và văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được tham vấn (nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của các văn bản); nêu rõ lý do không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của cơ quan, tổ chức được tham vấn trong thời gian quy định kèm theo minh chứng về việc đã gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức này.

6.1.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Lập bảng thể hiện các ý kiến, kiến nghị của đối tượng được tham vấn và giải trình việc tiếp thu kết quả tham vấn, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như bảng sau:

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng tham vấn
<b>I</b>	<b>Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử</b>		
1.	Ghi cụ thể các ý kiến góp ý		
2.			
....			
<b>II</b>	<b>Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến</b>		
1.	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư		
2.	Về tác động môi trường của dự án đầu tư		
3.	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến		

	môi trường		
4.	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		
5.	Các nội dung khác		
<b>III</b>	<b>Tổng hợp ý kiến thông qua phiếu lấy ý kiến</b>		
1.	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư		
2.	Về tác động môi trường của dự án đầu tư		
3.	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường		
4.	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		
5.	Nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư		
6.	Kiến nghị đối với Chủ dự án		
<b>IV</b>	<b>Tham vấn bằng văn bản</b>		
1.	Ghi cụ thể các ý kiến góp ý		
2.			
....			

## 6.2. Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn (nếu có)

Mô tả việc tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức chuyên môn về kết quả tính toán của mô hình (nếu có).

Lập bảng thể hiện các ý kiến, kiến nghị của các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn và giải trình việc tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (các văn bản liên quan đến tham vấn được chuyên gia, nhà khoa học được đính kèm tại Phụ lục III).

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học
<b>I</b>	<b>Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học</b>		
1	.....	.....	
2	.....	.....	
<b>II</b>	<b>Tham vấn tổ chức chuyên môn về kết quả tính toán của mô hình</b>		

1	.....	.....	
2	.....	.....	

## KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

**1. Kết luận:** phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; các biện pháp giảm thiểu tác động tương ứng; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

**2. Kiến nghị:** kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án (nếu có).

### 3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Chỉ liệt kê các tài liệu có sử dụng để trích dẫn trong báo cáo ĐTM)

## PHỤ LỤC I

- Bản sao các văn bản của cấp có thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (*chỉ yêu cầu đối với Dự án mà các văn bản này chưa được số hóa, cập nhật vào kho quản lý dữ liệu điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ*

*chức, cá nhân trên công dịch vụ công quốc gia).*

- Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc giấy tờ tương đương của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (*chỉ yêu cầu đối với Dự án mà các văn bản này chưa được số hóa, cập nhật vào kho quản lý dữ liệu điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên công dịch vụ công quốc gia*).

- Bản sao các phiếu kết quả phân tích môi trường nền đã thực hiện.

- Đối với dự án khai thác khoáng sản phải có thêm các bản vẽ sau đây: Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

## PHỤ LỤC II

- Dự thảo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xử lý chất thải (đối với các dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước) theo quy định của pháp luật về xây dựng; công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

- Thuyết minh và kết quả tính toán của các mô hình sử dụng (nếu có).

## PHỤ LỤC III

Bản sao của các hồ sơ sau:

- Các văn bản của chủ dự án gửi lấy ý kiến tham vấn.

- Các văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được tham vấn.

- 
- Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân.
  - Văn bản tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học và bản nhận xét của các chuyên gia hoặc biên bản họp hội thảo tham vấn chuyên gia (nếu có).
  - Văn bản tham vấn các tổ chức chuyên môn (nếu có).
  - Văn bản cho ý kiến về kết quả tính toán của mô hình (nếu có).

***Lưu ý:***

- Nội dung của báo cáo ĐTM được hướng dẫn theo mẫu chung trên đây. Tùy từng dự án cụ thể, nội dung của báo cáo ĐTM có thể được bổ sung thêm các nội dung đặc thù hoặc lược bỏ những nội dung không liên quan.
- Các trích dẫn trong báo cáo ĐTM phải chỉ rõ nguồn



**BM 06****MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN**

(Mẫu số 09a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

V/v đề nghị phê duyệt kết quả  
thẩm định báo cáo đánh giá  
tác động môi trường của (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án (2).

Căn cứ Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và Biên bản họp hội đồng thẩm định kèm theo của (3).

(1) xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2) được đóng quyển, (1) ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được (1) ký số (nếu nộp trực tuyến).

- Chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ....;

- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA (1)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Họ và tên**

---

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án đầu tư;

(2) Tên dự án;

(3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

**Phụ lục**

**Về việc chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung  
biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của (1)**  
(kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (1))

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Ủy viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung tại mục/trang của báo cáo ĐTM
<b>I</b>	<b>Kết luận của hội đồng thẩm định</b>		
1	.....	.....	
2	.....	.....	
.....	.....	.....	
.....	.....	.....	
<b>II</b>	<b>Ý kiến của ủy viên Hội đồng</b>		
1	Ý kiến của ủy viên .....		
2	Ý kiến của ủy viên .....		
.....			
.....	Ý kiến của ủy viên .....		
<b>III</b>	<b>Ý kiến của của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến (nếu có)</b>		
1	.....		
2	.....		
.....			
.....			
.....			

**BM 07****THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

(Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v thông báo kết quả thẩm  
định báo cáo đánh giá tác  
động môi trường của Dự án

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ... ..

Kính gửi: (3)

(1) nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) kèm theo Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của (3). Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, (1) thông báo và đề nghị như sau:

1. Kết quả thẩm định: ... (nêu rõ: a) thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; b) không thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) (có bản sao Biên bản họp Hội đồng thẩm định được gửi kèm).

2. Đề nghị (3) ...

- Trường hợp kết quả thẩm định thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

(3) chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình; hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định và ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến theo quy định của pháp luật (nếu có).

Hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) sau khi chỉnh sửa, bổ sung, giải trình gửi về (1) để được xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày có Văn bản thông báo kết quả thẩm định này, gồm:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Mẫu 09a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển, (3) ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục, nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục) được (3) ký số theo quy định (nếu nộp trực tuyến).

- Trường hợp kết quả thẩm định không thông qua: cơ quan thẩm định nêu rõ lý do. (1) thông báo để (3) biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ....;

- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ**

**CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

**Ghi chú:** (1) Tên cơ quan thẩm định hoặc cơ quan được giao tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (2) Tên dự án; (3) Chủ dự án đầu tư.

**BM 08**

**QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
(Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động  
môi trường của Dự án (2)**

(3)

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ (4);*

*Xét đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Văn bản số ... ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung) hoặc: Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Văn bản số... ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung);*

*Theo đề nghị của (5).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) (sau đây gọi là Dự án) của (6) (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại (7) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Chủ dự án;
- ....;
- Lưu: ...

### **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN (2)**

*(Kèm theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (3))*

**1. Thông tin về dự án:**

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư.

1.2. Quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

3.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải.

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông



thường.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại.

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

### 3.4. Các tác động khác (nếu có)

*- Nêu rõ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.*

- Tác động khác (nếu có).*

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công

trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

#### 4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

#### 4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (nếu có)

#### 4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước)

#### 4.4.6. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

#### 5.1. Chương trình quản lý môi trường

#### 5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

### 6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Bao gồm cả các yêu cầu phải điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo

cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường (nếu có).

***Ghi chú:***

- (1) Tên cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án;
- (2) Tên dự án;
- (3) Thẩm quyền ban hành (1);
- (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);
- (5) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao tổ chức thẩm định;
- (6) Chủ dự án đầu tư;
- (7) Địa điểm thực hiện dự án.

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC****QUY TRÌNH 02****Cấp giấy phép môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ<sup>1</sup>****I.1. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
(NỘP LẦN ĐẦU)**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định theo từng đối tượng như sau: - Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); - Dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); - Cơ sở đang hoạt động (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).	01	Bản chính
3	Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương	01	Bản sao

<sup>1</sup>Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (riêng đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường)		
4	Bản điện tử báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và tài liệu đính kèm để thực hiện công khai nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này)	01	-

**I.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ ĐÃ CHỈNH SỬA, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG SAU KHI THẨM ĐỊNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 05/2025/NĐ-CP.**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở ( <i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i> ), kèm giải trình các nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung.	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung	01	Bản chính

**I.3. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ ĐÃ CHỈNH SỬA, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG SAU KHI THẨM ĐỊNH VÀ ĐƯỢC TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2022/NĐ-CP (*Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP*).**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), kèm giải trình các nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung.	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung	01	Bản chính

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

### a) Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian xử lý

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố Hồ Chí Minh (<a href="http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>a) Đối với hồ sơ cấp giấy phép môi trường nộp lần đầu:</p> <p>- Tối đa là <b>20</b> (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 8 và khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Tối đa là <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>b) Đối với hồ sơ cấp giấy phép môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường sau khi thẩm định):</p> <p>- <b>Thời gian giải quyết hồ sơ được tiếp nhận theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP:</b></p> <p>+ <b>15</b> (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh) theo quy định tại khoản 11</p>

	<p>Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ <b>10</b> (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp huyện) theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ <b>05</b> (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p><b>- Thời gian giải quyết hồ sơ được tiếp nhận và tiếp tục giải quyết hồ sơ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP):</b></p> <p><i>Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đối với các trường hợp này: Đến hết ngày 05/01/2026 (theo khoản 7 Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)</i></p> <p>+ <b>10</b> (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh) theo quy định khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ <b>05</b> (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp huyện) theo quy định khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ <b>05</b> (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp thuộc khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo quy định khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p>
--	--

**b) Lệ phí:** (theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mức phí (Đồng/hồ sơ)	
	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
Đối tượng 1	13.500.000	-
Đối tượng 2	9.600.000	-
Đối tượng 3	19.300.000	9.600.000
Đối tượng 4	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	4.200.000

Trong đó:

- Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Đối tượng 5:

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc



định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải thì việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

- Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với tất cả các đối tượng.

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

**1) Quy trình thẩm định và cấp giấy phép môi trường nộp lần đầu (cấp tỉnh và cấp huyện): 30 ngày**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.1	Thành phần hồ sơ theo mục I.1
	<b>Kiểm tra thành phần hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.1, BM 01, BM 02, BM 03	<b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt;</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p><b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.1	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.</b>
<b>B3</b>	<b>Thụ lý hồ sơ</b>				
<b>B3.1</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>				
	<b>Rà soát nội</b>	Chuyên	0,75	Theo mục	Chuyên viên thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<b><i>dung báo cáo</i></b>	viên thụ lý giải quyết TTHC	ngày	I.1	giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đúng thẩm quyền, chưa phù hợp với quy định => <b>Chuyển sang B3.2</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b. <b>Chuyển sang B3.3</b>
<b>B3.2</b>	<b><i>Trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện</i></b>				
<b>B3.2.1</b>	<b><i>Dự thảo văn bản</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang B3.2.2</b>
<b>B3.2.2</b>	<b><i>Xem xét, ký nội dung trình</i></b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản trả hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.2.3</b>
<b>B3.2.3</b>	<b><i>Ký duyệt ban hành</i></b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức văn bản, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản trả hồ sơ. <b>Chuyển sang</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<b>bước B3.2.4</b>
<b>B3.2.4</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.
<b>B3.3</b>	<b>Thẩm định/kiểm tra nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường</b>				
<b>B3.3.1</b>	<b>Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC</b>	Văn phòng Ban Quản lý - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày	Theo mục I.1	Theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. (Thời gian công khai ít nhất là 10 ngày kể từ ngày đăng tải).
<b>B3.3.2</b>	<b>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát</b>				
<b>B3.3.2.1</b>	<b>Dự thảo Quyết định/Thông báo</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Theo mục I.1, Dự thảo Phiếu trình, Quyết định, Giấy mời, Thông báo kiểm tra	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Đoàn kiểm tra và Thông báo kế hoạch khảo sát
<b>B3.3.2.2</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng	01 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo
		Quy hoạch - Xây			Quyết định/Thông báo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		dựng và Môi trường			
<b>B3.3.2.3</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức Quyết định/Thông báo, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
<b>B3.3.2.4</b>	<b>Phát hành Quyết định/Thông báo</b>	Văn phòng Ban Quản lý	0,5 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ. Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân có liên quan.
<b>B3.3.2.5</b>	<b>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày	Theo mục I.1, Biên bản họp thẩm định/Phiếu thẩm định/Bản nhận xét của thành viên/Biên bản kiểm tra	- Tổ chức hội đồng thẩm định, lập biên bản họp hội đồng thẩm định hoặc tổ chức đoàn kiểm tra và thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường đối với cơ sở theo khoản 7 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường.
<b>B3.3.3</b>	<b>Tổng hợp kết quả thẩm định</b>				

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B3.3.3.1</b>	<b>Tổng hợp hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	12 ngày	Theo mục I.1	Chuyên viên thụ lý tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp và kết quả phân tích mẫu chất thải: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ => <b>Chuyển sang B3.3.3.2</b> - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => <b>Chuyển sang B3.3.3.3</b>
<b>B3.3.3.2</b>	<b>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép, cần phải chỉnh sửa, bổ sung</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	3,5 ngày	Theo mục I.1, BM 08	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B3.3.3.3</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	3,5 ngày	BM 09	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang B4</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	Theo mục I.1, BM 08, BM 09	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản/giấy phép môi trường, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
			hẹn		

**2. Quy trình thẩm định và cấp giấy phép môi trường nộp lần đầu (cấp tỉnh và cấp huyện): 20 ngày (trường hợp theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 8 và khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.1	Thành phần hồ sơ theo mục I.1
	<b>Kiểm tra thành phần hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.1, BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển</b></p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p><b>sang bước B2.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.1	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.</b>
<b>B3</b>	<b>Thụ lý hồ sơ</b>				
<b>B3.1</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>				
	<b>Rà soát nội dung báo cáo</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đúng thẩm quyền, chưa phù hợp với quy định =&gt;</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<b>Chuyển sang B3.2</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b. <b>Chuyển sang B3.3</b>
<b>B3.2</b>	<b>Trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện để thẩm định</b>				
<b>B3.2.1</b>	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.1, BM01	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang B3.2.2</b>
<b>B3.2.2</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Chuyên Văn phòng xem thể thức văn bản, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản trả hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.2.3</b>
<b>B3.2.3</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	0,5 ngày		Xem xét, ký ban hành văn bản trả hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B3.2.4</b>
<b>B3.2.4</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Quản lý.
<b>B3.3</b>	<b>Hồ sơ đủ điều kiện để thẩm định</b>				
<b>B3.3.1</b>	<b>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định</b>				
<b>B3.3.1.1</b>	<b>Dự thảo Quyết định</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Theo mục I.1, Dự thảo Phiếu trình, Quyết định, Giấy mời	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
<b>B3.3.1.2</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	01 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định
<b>B3.3.1.3</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức Quyết định, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Quyết định
<b>B3.3.1.4</b>	<b>Phát hành Quyết định</b>	Văn phòng Ban Quản lý	0,5 ngày		Lấy số Quyết định, đóng dấu, lưu hồ sơ. Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định.
<b>B3.3.1.5</b>	<b>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày	Theo mục I.1, Biên bản họp thẩm định/Bản nhận xét của thành viên/Phiếu	- Tổ chức hội đồng thẩm định, lập biên bản họp hội đồng thẩm định.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				thẩm định	
<b>B3.3.2</b>	<b>Tổng hợp kết quả thẩm định</b>				
<b>B3.3.2.1</b>	<b>Tổng hợp hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	07 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ =&gt; <b>Chuyển sang B3.3.3.2</b></li> <li>- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường =&gt; <b>Chuyển sang B3.3.3.3</b></li> </ul>
<b>B3.3.2.2</b>	<b>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	3,5 ngày	Theo mục I.1, BM 08	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B3.3.2.3</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	3,5 ngày	BM 09	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang B4</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	02 ngày	Theo mục I.1, BM 08, BM 09	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày		Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản/giấy phép môi trường, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
			hẹn		

### 3. Quy trình nộp hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung sau khi thẩm định:

a) Đối với trường hợp hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường sau khi thẩm định theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP<sup>2</sup>

a.1) Hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh: 15 ngày (theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.2	Thành phần hồ sơ theo mục I.2
	<b>Kiểm tra thành phần hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.2 Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo

<sup>2</sup> Trong thời hạn tối đa 12 tháng, kể từ ngày có văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung của cơ quan cấp giấy phép môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và gửi cơ quan cấp phép. Trường hợp giấy phép môi trường đã được cấp có thời hạn còn lại dưới 12 tháng, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan cấp phép để được cấp giấy phép môi trường trước khi giấy phép môi trường đã được cấp hết hiệu lực. Sau thời hạn này, việc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường (theo khoản 5 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>BM02</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.2	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B3</b>	<b>Rà soát hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.2	Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b><i>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</i></b>				
	<b><i>Dự thảo văn bản</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	9,5 ngày	BM 08	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b><i>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	9,5 ngày	BM 09	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội</b>	Lãnh đạo Phòng Quy	02 ngày	BM 08, BM 09	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<b>dung trình</b>	hoạch - Xây dựng và Môi trường			vào dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	02 ngày	BM 08, BM 09	Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản/giấy phép môi trường, đóng dấu văn bản/giấy phép, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

**a.2) Hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp huyện: 10 ngày (theo quy định tại khoản**

**11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.2	Thành phần hồ sơ theo mục I.2
	<b>Kiểm tra thành phần hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.2 Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng,</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.2	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Rà soát hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.2	<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ =&gt; <b>Chuyển sang B3.1</b></li> <li>- Trường hợp đủ</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					điều kiện cấp giấy phép môi trường => <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	06 ngày	BM 08	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	06 ngày	BM 09	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	01 ngày	BM 08, BM 09	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	1,5 ngày	BM 08, BM 09	Chuyên Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					kiện cấp giấy phép. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản/giấy phép môi trường, đóng dấu văn bản/giấy phép, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

**a.3) Hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và cấp huyện (trường hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP): 05 ngày (theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I.2	Thành phần hồ sơ theo mục I.2

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<b>Kiểm tra thành phần hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I.2 Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa đúng thành phần hồ sơ theo quy định: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ</b></p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p><b>công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC =&gt; <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</li> </ul> <p>Thời gian tiếp nhận</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I.2	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Rà soát hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,75 ngày	Theo mục I.2	Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b><i>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép, phải chỉnh sửa, bổ sung</i></b>				
	<b><i>Dự thảo văn bản</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	BM 08	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	BM 09	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang B4</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày	BM 08, BM 09	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày	BM 08, BM 09	Chuyển Văn phòng xem thể thức, sau đó trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,5 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản/giấy phép môi trường, đóng dấu văn bản/giấy phép, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>	<b>Diễn giải</b>
					quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.</li> <li>- Thống kê, theo dõi theo quy định.</li> </ul>

*(Xem tiếp Công báo số 323 + 324)*